

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19-6-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ma Khánh Ly.
- Ông Ma Trọng Hưng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Hanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Hà Thị X**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

2. **Bị đơn:** Anh **Triệu Văn Hải**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn B Củng xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hà Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị X và anh Triệu Văn H được tự do tìm hiểu đã chung sống với nhau từ cuối năm 2013, đến ngày 04/11/2014 chị X, anh

H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C. Sau khi kết hôn chị X, anh H sinh sống tại thôn B, xã K, huyện C. Anh chị chung sống hòa thuận đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường hay uống rượu chị X và anh H đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Chị và anh H sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn H.

- Về con chung: Chị X, anh H có một con là cháu Triệu Ánh N, sinh ngày 23/9/2014. Ly hôn chị X đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh Triệu Văn H đến để giải quyết việc chị Hà Thị X đề nghị ly hôn nhưng anh H đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị X. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh H vẫn đăng ký thường trú tại thôn B, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Lý Thị C (mẹ đẻ của anh Triệu Văn H) thì anh H và chị X được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh H, chị X sinh sống cùng gia đình bà Chiêm tại thôn B, xã K, huyện C. Cuộc sống chung của chị X, anh H hòa thuận đến năm 2016 thì mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra anh H đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, chị X đi làm tại tỉnh Thái Nguyên nên hai vợ chồng không sống cùng nhau nữa. Bà C không biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bà C đã thông báo cho anh H biết việc chị X xin ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị X; cho chị Hà Thị X được ly hôn với anh Triệu Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Ánh N, sinh ngày 23/9/2014 cho chị Hà Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn H

không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị X xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hà Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Hà Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Triệu Văn H có đăng ký thường trú tại thôn B, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương được biết: Anh Triệu Văn H đăng ký thường trú tại thôn B, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh H đi làm ăn xa tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thông báo địa chỉ mới nên không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay của anh H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh H đã thông báo cho anh H nhưng anh H vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Triệu Văn H vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Hà Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị X, anh H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị X, anh H thực tế đã không tồn tại từ năm 2017 đến nay; cả hai đều đã không còn quan

tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị X và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị X là xử cho chị X được ly hôn với anh Triệu Văn H.

[2.2] *Về con chung*: Chị X và anh H có 01 con chung là cháu Triệu Ánh N, sinh ngày 23/9/2014. Xét thấy anh H thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương; tại biên bản ghi ý kiến cháu Triệu Ánh N trình bày khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với chị Hà Thị X. Hiện nay cháu N đang do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, do đó căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Triệu Ánh N cho chị Hà Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Hà Thị X xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hà Thị X phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Hà Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị X được ly hôn với anh Triệu Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Ánh N, sinh ngày 23/9/2014 cho chị Hà Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hà Thị X phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0006166 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành án phí. Chị Xuân đã nộp đủ án phí.

Anh Triệu Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã V (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tuấn Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Khánh Ly Ma Trọng Hưng

Lê Tuấn Tú